

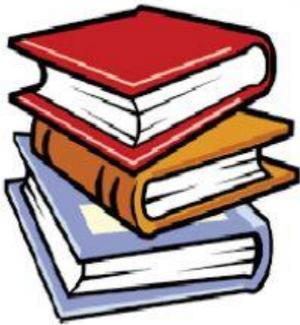
## WORKSHEET

Date: .....  
FFs1 - unit 1: School things

Teacher's feedbacks

### Task 1: Look and write

(Hãy nhìn vào tranh và sắp xếp từ cho đúng.)



1. O / O / B / S / K

→



2. D / F / L / O / R / E

→



3. N / P / E

→



4. L / U / R / E / R

→



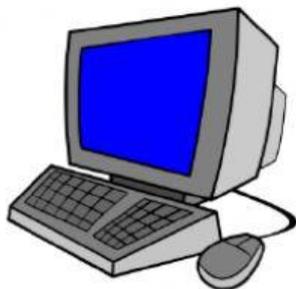
5. N / E / P / L / I / C

→



6. S / C / B / O / K / O / A / E

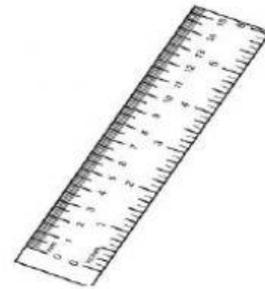
→



7. M / C / U / R / E / O / P / T

→

## Task 2: Order the words to create a sentence.

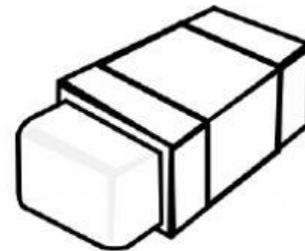


a. This/ bag./ my/ is

→ **This is my bag.**

b. ruler./ This/ my/ is

→



c. my/ computer./ This/ is

→

d. is/ my/ rubber./ This

→



e. This/ pencil case./ is/ my

→

f. my/ This/ is/ book.

→

**Task 3: Look, read and choose the correct answers:**

(Con nhìn tranh, đọc câu và chọn câu trả lời đúng nhé)

1. What's this?

- A. It's a ruler.
- B. It's a computer.
- C. It's a window.



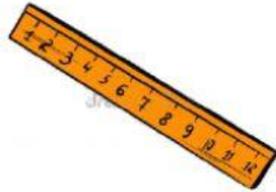
2. What do you see?

- A. I see a cupboard.
- B. I see a bookcase.
- C. I see a book.



3. What's this?

- A. It's a pen.
- B. It's a pencil.
- C. It's a ruler.



4. What do you see?

- A. I see a pen.
- B. I see a ruler.
- C. I see a bag.



5. What's this?

- A. It's a folder.
- B. It's a ruler.
- C. It's a computer.



6. What do you see?

- A. I see a pen.
- B. I see a pencil case.
- C. I see a ruler.



7. What's this?

- A. It's a pencil.
- B. It's a pen.
- C. It's a folder.



8. What do you see?

- A. I see a notebook.
- B. I see a book.
- C. I see a rubber.



9. What's this?

- A. It's a pencil.
- B. It's a book.
- C. It's a bookcase.



10. What do you see?

- A. I see a ruler.
- B. I see a rubber.
- C. I see a pen.

